

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11** /2021/DS-ST

Ngày 29 tháng 11 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân*

1. Ông **Kiều Công Ích**;

2. Ông **Tổng Như Hải**;

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Trần Đình Hòa** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Tuấn Anh** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2021. về việc tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-DS ngày 12/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị L**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 3 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người được bà L ủy quyền: **Ông Nguyễn Đức H**- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hùng Vương – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 2, khu T, phường D, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án người được nguyên đơn ủy quyền là ông Nguyễn Đức H trình bày :**

Bà Phạm Thị L và chị Nguyễn Thị H là người cùng xã, chơi thân với nhau . Năm

2017, chị H có nhu cầu đổi bìa đỏ đất nên đã hỏi vay tiền của bà L. Bà L đồng ý và đã cho chị H vay bốn lần với tổng số tiền là 100.000.000đ.

Cụ Thể: Lần 1 vào ngày 15/6 nhuận năm 2017 âm lịch (tức ngày 06/8/2017 dương lịch) bà L cho chị H vay 30.000.000đ. Khoản vay này chị H đã trả lãi đến ngày 01/8/2017 âm lịch, sau đó không trả lãi cũng như gốc cho bà L nữa.

Lần 2, vào ngày 26/6 nhuận năm 2017 âm lịch (tức ngày 17/8/2017 dương lịch) bà L cho chị H vay 20.000.000đ. Khoản vay này chị H đã trả lãi đến ngày 26/8/2017 âm lịch, sau đó không trả lãi cũng như gốc cho bà L nữa.

Lần 3 vào ngày 15/7/ 2017 âm lịch (tức ngày 05/9/2017 dương lịch) bà L cho chị H vay 30.000.000đ. Khoản vay này chị H chưa trả lãi cũng như gốc cho bà L.

Lần 4, vào ngày 12/10 2017 âm lịch (tức ngày 29/11/2017 dương lịch) bà L cho chị H vay 20.000.000đ. Khoản vay này chị H chưa trả lãi cũng như gốc cho bà L.

Cả bốn lần vay chị H đều ghi nhận nợ vào sổ của bà L. Sau nhiều lần bà L yêu cầu trả nợ , ngày 18/02/2021 chị H đã viết giấy nhận nợ hẹn mỗi tháng trả cho bà L 1.000.000đ, từ tháng 4/2021 âm lịch sẽ trả cho bà L mỗi tháng từ 2 đến 3 triệu đồng. Hôm đó chị H đã trả cho bà L 2.000.000đ và bà L tính trừ vào số tiền nợ gốc của khoản vay thứ nhất. Tại giấy khất nợ này của chị L, chồng bà L là ông V có ký vào giấy, nhưng sự thực khi cho chị H vay chỉ có bà L và chị H với nhau mà thôi.

Tuy nhiên sau đó chị H đã không thực hiện đúng lời hứa với bà L . Nay đề nghị Tòa án buộc chị H trả nợ cho bà L với tổng số nợ gốc là 98.000.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Đối với khoản vay lần 1 số tiền gốc là 28.000.000đ và tính lãi từ tháng 10/2021 đến khi xét xử xong. Đối với khoản vay lần 2 số tiền gốc là 20.000.000đ và tính lãi từ tháng 11/2021 đến khi xét xử xong. Đối với khoản vay lần 3 số tiền gốc là 30.000.000đ và tính lãi từ tháng 10/2021 đến khi xét xử xong. Đối với khoản vay lần 4 số tiền gốc là 20.000.000đ và tính lãi từ tháng 12/2021 đến khi xét xử xong. Tại phiên tòa, ông H yêu cầu tính lãi 10%/năm đối với tất cả các khoản vay.

Tại phiên tòa Ông H đề nghị HĐXX buộc chị H phải hoàn trả lại cho bà L số tiền 5.000.000đ tiền chi phí giám định mà bà L đã nộp.

**Bà Phạm Thị L có lời trình bày:** Yêu cầu HĐXX buộc chị H trả nợ cho bà như yêu cầu trình bày của ông H.

**Giai đoạn chuẩn bị xét xử:** Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai cũng như hoà giải vụ án giữa bà L với chị H được.

Qua xác minh tại công an xã H, Chị H có đăng ký hộ khẩu tại khu 7 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, là chủ hộ và cũng là nhân khẩu duy nhất trong hộ nhà chị H. Bố mẹ chị H đã chết, con gái chị Hg đã lấy chồng và chuyển đi nơi khác sinh sống. Từ đầu năm 2021

chị H không có mặt tại địa phương. Xác minh tại khu dân cư số 7 xã H được biết chị H không có mặt ở nhà và chị gái của chị H là bà Nguyễn Thị V không biết chị H đi đâu, làm gì. Địa phương đã giao thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, nhưng bà V từ chối nhận vì cho rằng không liên quan đến bà và không liên lạc được với chị H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm về việc tuân thủ đúng quy định pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX. Nguyên đơn đã tuân thủ quy định pháp luật, bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị H phải trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị H- bị đơn của vụ kiện vắng mặt, dù đã được Tòa án triệu tập, đã niêm yết các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H không thông báo cho bà L về việc thay đổi nơi cư trú. Xác minh tại Công an xã H, Sổ đăng ký thường trú khu 7 xã H, chị H là chủ hộ và là thành viên duy nhất trong hộ và chưa cất khẩu. Việc chị H không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không thông báo cho bà L về việc thay đổi nơi cư trú là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì thế Tòa án xét xử vắng mặt chị H là hoàn toàn phù hợp điểm b,d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự trong vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, là người cùng xã nên chị H đã được bà L cho vay tiền. Cụ thể: Lần 1 vào ngày 15/6 nhuận năm 2017 âm lịch (tức ngày 06/8/2017 dương lịch) bà cho chị H vay 30.000.000đ. Khoản vay này chị H đã trả lãi đến ngày 01/8/2017 âm lịch. Lần 2, vào ngày 26/6 nhuận năm 2017 âm lịch (tức ngày 17/8/2017 dương lịch) bà cho chị H vay 20.000.000đ. Khoản vay này chị H đã trả lãi đến ngày 26/8/2017 âm lịch. Lần 3 vào ngày 15/7/ 2017 âm lịch (tức ngày 05/9/2017 dương lịch) bà cho chị H vay 30.000.000đ. Lần 4, vào ngày 12/10 2017 âm lịch (tức ngày 29/11/2017 dương lịch) bà cho chị H vay 20.000.000đ. Ngày 18/02/2021 chị H đã trả cho bà L được 2.000.000đ và bà L nhất trí trừ vào khoản nợ gốc vay lần 1.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ vì việc vay nợ được bị đơn ký nhận nợ và khất nợ tại các biên nhận mà bà Loan đã giao nộp tại Tòa án. Tại kết luận giám định số 1091/KLGĐ ngày 30/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận: “ Chữ ký dạng chữ viết “H” và các chữ “Nguyễn Thị H” tại dòng 16,17 trên tờ giấy có nội dung bắt đầu bằng các từ ” Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam – độc lập tự do hạnh phúc. Tên tôi là Nguyễn Thị H- khu 7- H- T, phú thọ...” kết thúc bằng các từ “ chồng Nguyễn Hiếu V” đề ngày 18/2/2021 (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “H” và các chữ “Nguyễn Thị H” dưới mục “Khách hàng vay vốn; Khách hàng; Khách hàng vay” trên “ Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay; Yêu cầu sử dụng dịch vụ tra cứu thông tin, thông báo số dư tài khoản vay; Phương án sử dụng vốn; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4) là do cùng một người ký và viết ra”.

Phía bị đơn không đến Tòa án làm việc, cố tình giấu giếm địa chỉ của mình nên không có quan điểm.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi với lãi xuất 10%/năm tính theo từng khoản vay, từ thời điểm mà nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ cần chấp nhận

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền tạm ứng lệ phí giám định, lỗi là của bị đơn nên cần buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn tiền lệ phí giám định.

*Về án phí:* Do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ của chị theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 điều 275, 463 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 điều 26 , điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Xử:**

- Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định pháp luật.

- Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền gốc là 98.000.000đ (*chín mươi tám triệu đồng*) theo các giấy vay tiền ngày 15/6 nhuận 2017 âm lịch; ngày 26/6 nhuận năm 2017 âm lịch; ngày 15/7/2017 âm lịch; ngày 12/10/2017 âm lịch và giấy hẹn trả nợ ngày 18/02/2021. Tiền lãi 10%/năm là 40.303.800đ (*bốn mươi triệu ba trăm linh ba nghìn tám trăm đồng*). Tổng cả gốc và lãi chị H phải trả là 138.303.800đ (*một trăm ba mươi tám triệu ba trăm linh ba nghìn tám trăm đồng*).

Buộc chị Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại cho bà Phạm Thị L 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) tiền lệ phí giám định

*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định*

*của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**\* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc Chị Nguyễn Thị H phải chịu 6.915.000đ (sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị L 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0004682 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu AV,HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Lệ Thanh**